

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 01 - 2020

V/v: Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiệm.

2. Ông Nguyễn Chu Nhương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Thái Văn T, sinh năm 1975; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1983; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 04/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Thái Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T và chị T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 22/01/2018.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị T nghi ngờ anh ngoại tình với người phụ nữ khác, không đồng nhất với nhau về quan điểm sống và làm ăn kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra xô xát, đánh chửi nhau. Chị T có những lời lẽ thô tục xúc phạm anh, đập phá đồ đạc trong nhà dẫn đến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Tháng 3/2018 chị T tự ý bỏ đi khỏi nhà đến tháng 5/2018 chị T về yêu cầu anh làm đơn ly hôn, ngay sau đó chị T bỏ nhà đi làm ăn đến tháng 12/2018 chị T về làm đơn xin xác nhận nơi cư trú và yêu cầu anh làm thủ tục ly hôn. Khi Tòa án triệu tập giải quyết vụ án chị T không về mà thường xuyên gọi điện vào đêm khuya mắng chửi, xúc phạm làm ảnh hưởng đến cuộc sống của anh. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- *Về con, tài sản, công nợ và các vấn đề khác:* Anh T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng để chị T biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng chị T đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản làm việc ngày 12/11/2019 bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là mẹ kế của chị Trần Thị T, từ năm 1987 khi bà và ông Trần Văn H (là bố đẻ chị T) kết hôn thì chị T về cùng chung sống với ông bà tại xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Tháng 01/2018 chị T kết hôn và chung sống với anh Thái Văn T tại thôn Đ, xã Đ, huyện L đến khoảng tháng 5/2018 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T và anh T đã làm đơn xin ly hôn, chị T có về chung sống với bà một thời gian sau đó do mâu thuẫn với bà nên chị T ở tại thôn S, xã Đ, huyện L. Tháng 12/2018 chị T xin xác nhận nơi cư trú của Công an xã Đ để vợ chồng làm thủ tục ly hôn. Về hôn nhân giữa chị T và anh T, bà không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, anh Thái Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị Trần Thị T. Về con chung, tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

+ Việc thụ lý vụ án của Tòa án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập tài liệu, chứng cứ và gửi các quyết định, thông báo cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật; tuân thủ đúng thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phiên tòa sơ thẩm; bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa anh Thái Văn T và chị Trần Thị T. Về con chung, tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự

không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”; tại thời điểm nộp đơn khởi kiện anh Thái Văn T cung cấp xác nhận nơi cư trú chị T tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam (chị T là người làm đơn xác nhận để làm thủ tục giải quyết ly hôn và được Công an xã Đ xác nhận chị T cư trú tại địa phương), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thái Văn T và chị Trần Thị T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 22/01/2018 theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, anh T và chị T chung sống với nhau khoảng 01 tháng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, đôi bên có những lời lẽ không tôn trọng danh dự của nhau và không tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Kể từ tháng 3/2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Tháng 4/2018 chị T làm đơn ly hôn, khi Tòa án thụ lý vụ án báo gọi nhưng chị T không về tham gia giải quyết mà thường xuyên gọi điện mắng chửi anh T. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Thái Văn T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Thái Văn T và chị Trần Thị T.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Thái Văn T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, trừ số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số AA/2010/04067 ngày 25 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam. Anh T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Huyện L;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin ĐTTA;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy